TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2023/DS-ST
Ngày: 14/3/2023
"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Châu Vũ Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Thanh Nhàn.

2. Bà Đào Thị Thu Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Tường Vi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Phước Lợi - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 03 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 415/2022/TLST-DS ngày 06 tháng 12 năm 2022 về việc tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2023/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 115/2023/QĐST-DS ngày 02 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị T, sinh năm 1964; địa chỉ: số 167, khóm Bình Thạnh 1, thị trấn LV, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp.

Bà Trần Thị T ủy quyền cho ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1990; địa chỉ: số 92, ấp Bình Phú Quới, xã BT, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp; có mặt.

Theo văn bản ủy quyền ngày 03 tháng 10 năm 2022.

2. Bị đơn: Ông Bùi Văn C, sinh năm 1960: địa chỉ: tổ 20, ấp Bình Thạnh 1, xã HA, huyện CM, tỉnh An Giang; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thị T ủy quyền cho ông Nguyễn Văn L trình bày: Do chỗ quen biết với ông C cho nên vào tháng 07 năm 2020 đến

tháng 8 năm 2020 bà T cho ông C vay số tiền 70.000.000 đồng, hai bên vay với hình thức chuyển khoản, mục đích vay để dùng sinh hoạt trong gia đình, thỏa thuận lãi suất 3%/tháng, không hẹn thời gian trả, sau đó ông C có đóng lãi hàng tháng, đến tháng 08 năm 2020 thì ông ngưng không đóng lãi cho đến nay. Tại phiên Tòa ông L là người đại diện ủy quyền cho bà T yêu cầu ông C có nghĩa vụ trả cho bà số tiền vốn vay là 70.000.000 đồng và tiền lãi tính từ tháng 7 năm 2020 đến tháng 10 năm 2022 với mức lãi suất 10%/năm thành tiền là 12.782.000 đồng, tuy nhiên trong quá trình làm việc thì phía bà T chỉ yêu cầu ông C có nghĩa vụ trả số tiền lãi là 10.000.000 đồng.

- *Bị đơn ông Bùi Văn C trình bày:* Do chổ quen biết với bà T, vào tháng 07/2020 ông có vay số tiền 70.000.000.000 đồng, mỗi lần vay bà T điều chuyển khoản, việc cho vay không thỏa thuận về thời hạn vay, thỏa thuận lãi suất 3%/tháng, sau đó ông có đóng lãi được vài tháng thì không đóng tiếp tục, ông cũng thống nhất với số vốn gốc và số tiền lãi là 12.782.000 đồng, cho ông xin phần lãi là 2.782.000 đồng, còn lại vừa vốn và lãi là 80.000.000 đồng. Do hoàn cảnh khó khăn cho ông xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi dứt số tiền trên.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện là bản sao biên nhận nợ ngày, giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu gia đình (bản sao).

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đã cung cấp tài liệu chứng cứ trong giai đoạn chuẩn bị xét xử; không còn tài liệu, chứng cứ nào khác.

- Bị đơn không có ý kiến gì và yêu cầu xin trả dần.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến giải quyết vụ án:

Do quen biết bà T có cho ông C vay số tiền 70.000.000 đồng, chia thành 02 lần chuyển khoản, cụ thể: Ngày 31/7/2020, chuyển khoản 50.000.000 đồng và ngày 28/8/2020 chuyển 20.00.000 đồng qua số tài khoản của ông C, việc cho vay không thỏa thuận về thời hạn cho vay, lãi suất thỏa thuận bên ngoài là 03%/tháng, mục đích vay để xây dựng. Ông C đóng lãi hàng tháng cho bà T đến tháng 08/2020 thì ông C ngưng trả, bà T đã nhiều lần yêu cầu nhưng ông C không trả tiền nợ vốn và tiền lãi cho bà T. Nay bà T khởi kiện yêu cầu ông C có trách nhiệm trả cho bà T tổng số tiền vốn 70.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 7/2020 đến ngày 10/2022, với mức lãi suất 10%/năm, tổng số tiền là 12.782.000 đồng. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, bà T rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, đối với số tiền lãi, chỉ yêu cầu ông C trả 10.000.000 đồng tiền lãi.

Ông C thừa nhận có vay bà T số tiền 70.000.000 đồng, mỗi lần vay bà T có chuyển vào tài khoản ông C, việc cho vay không thỏa thuận về thời hạn vay, lãi suất cho vay thỏa thuận bên ngoài 3%/tháng, mục đích cho vay để xây dựng. Thống nhất còn nợ bà T tổng số tiền vốn 70.000.000 đồng, đối với phần lãi suất phát sinh trên số tiền nợ gốc 12.782.000 đồng, xin trả tiền lãi 10.000.000 đồng. Nay do hoàn cảnh khó khăn nên xin hẹn trả mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi trả hết số nợ trên.

Xét thấy, căn cứ bà T khởi kiện là Sao kê tài khoản ngân hàng, thể hiện bà T có chuyển khoản cho ông C vào ngày 31/7/2020 chuyển 50.000.000 đồng và ngày 28/8/2020 chuyển 20.000.000 đồng. Ông C thừa nhận có nợ bà T số tiền 70.000.000 đồng như bà T trình bày, do đó bà T khởi kiện là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự.

Đối với phần tiền lãi, bà T yêu cầu tính lãi suất 10%/năm, từ tháng 7/2020 đến tháng 10/2022, số tiền cụ thể là 12.782.000 đồng. Ông C thống nhất còn nợ 12.782.000 đồng, nhưng xin trả tiền lãi 10.000.000 đồng, phía bà T đồng ý giảm tiền lãi, chỉ yêu cầu trả 10.000.000 đồng. Do đó, công nhận sự tự nguyện của các đương sự, tuy nhiên cần xác định thời hạn tính lãi suất đối với 02 khoản tiền, cụ thể: Ngày 31/7/2020, chuyển khoản 50.000.000 đồng và ngày 28/8/2020 chuyển 20.00.000 đồng. Vì vậy, xác định lãi suất 10%/năm đối với số tiền 50.000.000 đồng từ tháng 7/2020 đến 10/2022 và số tiền 20.000.000 đồng từ tháng 8/2020 đến tháng 10/2022 với số tổng số tiền lãi mà bà T và ông C thống nhất là 10.000.000 đồng. Do bà T rút lại một phần yêu cầu đối với số tiền 2.782.000 đồng nên căn cứ Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ giải quyết đối với số tiền này.

Riêng về yêu cầu xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng của ông C, do bà T không đồng ý nên không có cơ sở để chấp nhận.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463, 466, 468; Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự:

- Công nhận hợp đồng vay tài sản giữa bà Trần Thị T với ông Bùi Văn C.

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T.

- Buộc ông Bùi Văn C trả bà Trần Thị T số tiền 80.000.000 đồng.

- Đình chỉ giải quyết đối với số tiền lãi 2.782.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

** Về tố tụng:*

[1] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Bà Trần Thị T khởi kiện yêu cầu ông Bùi Văn C có nghĩa vụ trả số tiền vay 70.000.000 đồng, ông C có địa chỉ ấp Bình Thạnh 1, xã Hòa An, huyện Chợ Mới nên yêu cầu kiện của bà T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

** Về nội dung:*

[2] *Về việc xác lập và thực hiện hợp đồng:*

Qua lời trình bày của ông L là người đại diện ủy quyền cho bà Trần Thị T và tại các biên bản hòa giải, tài liệu chứng cứ cung cấp, qua quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xác định giữa bà T, ông C có thỏa thuận với nhau việc vay tiền. Vào tháng 7/2020 đến tháng 8 năm 2020 có vay của bà T số tiền 70.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận lãi suất 3%/tháng, mục đích vay để dùng sinh hoạt trong gia đình, không hẹn thời gian trả, sau đó ông C có đóng lãi được vài tháng thì không đóng lãi tiếp tục và cũng không trả vốn, do bà T cần vốn làm ăn nên đến nhà ông C để lấy lại vốn và yêu cầu tính lãi nhưng ông C không thực hiện. Sau khi hai bên thỏa thuận thì phía bà T, ông C cũng thống nhất số tiền vừa vốn và lãi là 80.000.000 đồng. Xét thấy việc vay mượn giữa các bên được xác lập trên cơ sở tự nguyện, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với Điều 463 Bộ luật dân sự, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ, ông C không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ khi bà T có yêu cầu thu hồi vốn làm thiệt thòi quyền lợi của bà T. Trong quá trình hòa giải cũng như tại phiên tòa ông C không cung cấp chứng cứ gì khác ngoài lời trình bày. Tại phiên Tòa ông L là người đại diện ủy quyền cho bà T cung cấp các chứng từ chuyển khoản giữa bà T với ông C

phù hợp với tài liệu, chứng cứ mà bà T đã cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án. Do đó có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T.

[3] *Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và nghĩa vụ trả nợ của bị đơn:*

Bà T yêu cầu ông C có nghĩa vụ trả tiền vốn vay 70.000.000 đồng và số tiền lãi suất 10.000.000 đồng.

Xem xét yêu cầu nghĩa vụ trả nợ của ông C thì nhận thấy, giữa bà T với ông C cùng xác lập hợp đồng vay với nhau, nhưng ông C không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà T khi bà T cần vốn. Tại phiên Tòa ông C xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng nhưng không được phía bà T chấp nhận, do đó Hội đồng xét xử nghĩ nên buộc ông C có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền vốn là 70.000.000 đồng là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật theo các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Về lãi suất: Tại phiên tòa ông L là người đại diện ủy quyền của bà T yêu cầu tính lãi suất 10% /năm đối với số tiền 50.000.000 đồng từ tháng 7/2020 đến tháng 10/2022 và số tiền 20.000.000 đồng từ tháng 08/2020 đến tháng 10/2022 với tổng số tiền mà bà T và ông C thống nhất là 10.000.000 đồng.

Do bà T rút lại một phần yêu cầu đối với số tiền lãi 2.782.000 đồng do đó Hội đồng xét xử nghĩ nên cần đình chỉ đối với yêu cầu này là phù hợp với Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Ông Bùi Văn C phải chịu án phí theo quy định pháp luật. Ông Bùi Văn C thuộc trường hợp người cao tuổi, ông có đơn xin miễn án phí do đó ông không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Trần Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 26, 35, 39, 144, 147, 235, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T.

Buộc ông Bùi Văn C có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị T số tiền vốn vay 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng) và tiền lãi 10.000.000 đồng (mười triệu đồng). Tổng cộng vốn và lãi là 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng).

Đình chỉ yêu cầu tính lãi suất của bà Trần Thị T đối với ông Bùi Văn C số tiền 2.782.000 đồng (hai triệu bảy trăm tám mươi hai ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Bùi Văn C được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Bà Trần Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Trần Thị T số tiền tạm ứng án phí 2.070.000 đồng (hai triệu không trăm bảy chục ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013012 ngày 06 tháng 12 năm 2022 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới cấp.

3. Đương sự có mặt tham gia phiên toà có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do Cnh đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND H. Chợ Mới;
- TAND tỉnh An Giang;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Chi cục THADS H. Chợ Mới;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

Châu Vũ Sơn

Nơi nhận:
- VKSND H. Chợ Mới;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS H. Chợ Mới;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Châu Vũ Sơn

Số tiền lãi hai bên thỏa thuận: Số tiền 70.000.000 đồng x 3%/tháng = 2.100.000 đồng x 22 tháng = 46.200.000 đồng (bốn mươi sáu triệu hai trăm ngàn đồng).

Số tiền lãi theo quy định pháp luật: Số tiền 70.000.000 đồng x 1,66% %/tháng = 1.162.000 đồng x 22 tháng = 25.564.000 đồng.